

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG CD HOME

+

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG CD HOME +

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CD HOME + CONSTRUCTION AND INTERIOR DESIGN ADVISE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CD HOME + COINDEAD., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301278757

3. Ngày thành lập: 26/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Chi Hồ, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 084.808.8339

Fax:

Email: cdhomekientrucnoithat@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 4659     |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                                            | 4662     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>-Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)<br>-Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) | 7110(Chính) |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 10. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1621        |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1622        |
| 12. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1623        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1629        |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                       | 7730        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4229        |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                  | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG PHÚ<br>CƯỜNG | Thôn Chi Hồ, Xã<br>Tân Chi, Huyện<br>Tiên Du, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 110.000       | 1.100.000.000            | 55,000       | 0270840018<br>01                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 110.000       | 1.100.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐỨC DUY  | Thôn Vạn Ty, Xã<br>Thái Bảo, Huyện<br>Gia Bình, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0270970051<br>78                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                 |                           |        |             |       |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | DƯƠNG PHÚ THANH | Thôn Chi Hồ, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 | 027063001006 |
|   |                 |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                 | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG PHÚ CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027084001801

Ngày cấp: 06/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Chi Hồ, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Chi Hồ, Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh